

Số: /NQ-ĐHĐCĐ-XLKD

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONs);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam số ..... ngày ...../...../2023;

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo số ...../BC-XLKD về hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị và kế hoạch năm 2023

Nội dung: Theo Báo cáo số ...../BC-XLKD đính kèm.

*Đại hội nhất trí thông qua với ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.*

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo số ...../BC-XLKD về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

❖ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Tỷ lệ hoàn thành KH 2022 (%)	Tỷ lệ 2022/2021 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.428,26	1.250,00	1.494,59	120%	105%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>217,92</i>	<i>600,00</i>	<i>956,30</i>	<i>159%</i>	<i>439%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.289,56	1.560,00	1.821,56	116%	79,55%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Tỷ lệ hoàn thành KH 2022 (%)	Tỷ lệ 2022/2021 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	871,98	830,00	1.287,52	155%	147,65%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	45,07	-	2,7		6%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	52,48	-	53		101%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	43,16	-	2,92		
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	52,48	-	52,3		99,6%
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	97,71	104,00	57,20	55%	59%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	62,58	33,00	33,12	100%	53%
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	11,13	10,17	10,86	107%	98%
	<i>Công ty mẹ</i>		15,95	12,50	15,95	128%	100%

❖ Kế hoạch năm 2023 với các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)	
1	Giá trị SXKD	tỷ đồng	1.250,00	1.494,59	120%	<b>1.886,00</b>
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	600,00	956,30	159%	<b>770,00</b>
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	1.560,00	1.821,55	116%	<b>1.500,00</b>
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	830,00	1.287,52	155%	<b>1.230,00</b>
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	-	2,7		-
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	-	53		-
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-	2,92		-
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	-	52,3		-
5	Nộp NSNN	tỷ đồng	104,00	57,20	55%	<b>72,00</b>
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	33,00	33,12	100%	<b>26,00</b>
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,17	10,86	107%	<b>11,14</b>
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tr.đ/ tháng</i>	12,50	15,95	128%	<b>13,25</b>

Đại hội nhất trí thông qua với ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo số ...../XLDK-BKS của Ban Kiểm soát về Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Nội dung: Theo Báo cáo số ...../XLDK-BKS đính kèm.

*Đại hội nhất trí thông qua với ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.*

**Điều 4.** Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Nội dung: Theo Tờ trình số ...../TTr-XLDK đính kèm.

Stt	Chỉ tiêu	Công ty Mẹ	Ghi chú
I	Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2022	52.302.457.212	
II	Lũy kế đến 31/12/2022	(3.607.400.160.442)	
III	Trích lập các quỹ		
1	Quỹ đầu tư phát triển	0	
2	Quỹ dự phòng tài chính	0	
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	
IV	Chia cổ tức năm 2022	0	

*Đại hội nhất trí thông qua với ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.*

**Điều 5.** Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2022 và phương án tiền lương, thù lao năm 2023 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Nội dung: Theo Tờ trình số ...../TTr-XLDK đính kèm

1. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022: Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 (thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 163/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 16/5/2022):

STT	Nội dung	Tiền lương/thù lao năm 2021			Thực lĩnh
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)
1	Hội đồng quản trị	2,644,200,000	2,581,200,479	97,6%	2,262,244,493
2	Ban Kiểm soát	592,450,000	592,450,000	100%	533,282,081
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3,236,650,000</b>	<b>3,174,050,050,479</b>		<b>2,795,526,574</b>

2. Phương án tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023:

- Tiền lương và thù lao của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát chuyên trách là Người đại diện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PETROCONs: thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONs phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và thực tế kết quả SXKD của PETROCONs.
- Tiền lương, thù lao của thành viên độc lập HĐQT: i) Trường hợp thành viên làm việc thường xuyên theo chế độ làm việc tại Cơ quan Tổng công ty được chi trả tiền lương và các chế độ khác theo chế độ áp dụng đối với Thành viên HĐQT chuyên trách; ii) Trường hợp thành viên làm việc không thường xuyên tại Cơ quan Tổng công ty (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao bằng 70% mức lương chức danh của Thành viên HĐQT chuyên trách.
- Thù lao kiêm nhiệm của Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách tối đa bằng 20% mức tiền lương chức danh của Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát chuyên trách.

*Đại hội nhất trí thông qua với ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.*

**Điều 6.** Thông qua Tờ trình số ...../TTr-XLKD về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023

Nội dung: Theo Tờ trình số ...../TTr-XLKD đính kèm.

*Đại hội nhất trí thông qua với ..... cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.*

**Điều 7.** Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ...../...../2023.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai các nội dung đã thông qua tại Đại hội trên cơ sở đảm bảo lợi ích của PETROCONs và lợi ích của cổ đông, phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONs và các quy định pháp luật hiện hành.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thông qua toàn văn tại cuộc họp ngày ...../...../2023 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 7 (để t/h);
- UBCKNN, Sở GDCKHN (để b/c);
- Người CBTT (để CBTT);
- Website PETROCONs (thay cho gửi TB tới cổ đông);
- Lưu HĐQT, VT, PC.

**Nghiêm Quang Huy**

